

Số: 16/QĐ-MN9

Tân Bình, ngày 4 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách quý 1 năm 2022 của Trường Mầm Non 9

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

- Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính- Kế hoạch Quận Tân Bình,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách quý 1 năm 2022 của trường Mầm Non 9 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VP

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Kiều Nhung

Tân Bình, ngày 04 tháng 4 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Mầm non 9 công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	9.043	1.240,2	13,72%	9,46%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.864	1.240,2	66,54%	25,20%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.179	-	0,00%	17,00%

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên



Trần Thị Kiều Nhung

Tân Bình, ngày 04 tháng 4 năm 2022

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ
NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2022**

I. Kinh phí hoạt động không thường xuyên (nguồn 12):	1.240.236.596 đồng
- Chi lương	529.305.301
- Phụ cấp lương	479.020.857
- Các khoản đóng góp	140.734.758
- Các khoản thanh toán cho cá nhân	60.000.000
- Thanh toán dịch vụ công cộng	15.492.593
- Vật tư văn phòng	4.316.000
- Thông tin tuyên truyền liên lạc; sách báo	1.017.087
- Công tác phí	3.000.000
- Chi phí thuê mướn	2.250.000
- Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	2.700.000
- Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác và công trình cơ sở hạ	2.400.000

II. Kinh phí hoạt động thường xuyên (nguồn 14): **455.432.356 đồng**

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Hiệu Trưởng



Trần Thị Kiều Nhung

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm Non 9

Mã ĐVQHNS: 1048792

Mã cấp NS: 2

Người ký: Vũ Thị Thắm
Ngày ký: 01/04/2022 16:34:34
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tân Bình - TP Hồ Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2022

Mã nguồn NSNN kinh tế	Mã ngành CTMT, DA	Mã DT năm trước, chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
				Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	11=5-7-9
12	071	00000	1.306.050.000	5.872.650.000	5.872.650.000	5.872.650.000	7.178.700.000	1.240.236.596	1.240.236.596	0	0	5.938.463.404
14	071	00000	1.795.746.201	68.000.000	68.000.000	68.000.000	1.863.746.201	0	0	0	0	1.863.746.201
Cộng:			3.101.796.201	5.940.650.000	5.940.650.000	5.940.650.000	9.042.446.201	1.240.236.596	1.240.236.596	0	0	7.802.209.605
Phần KBNN ghi:												

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2022

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Đức Tài

Người ký: Vũ Thị Thắm
Ngày ký: 01/04/2022 16:34:34
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tân Bình - TP Hồ Chí Minh

Vũ Thị Thắm

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2022

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Thị Hồng Tâm
Ngày ký: 01/04/2022 15:11:07
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Trường Mầm Non 9

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Người ký: Trần Thị Kiều Nhung
Ngày ký: 01/04/2022 15:11:07
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Trường Mầm Non 9

Trần Thị Kiều Nhung

Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Mầm Non 9

Mã ĐVQHNS: 1048792

Mã cấp NS: 2

Người ký: Vũ Thị Thắm
Ngày ký: 01/04/2022 16:34:40
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tân Bình - TP Hồ
Chí Minh
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Quý 1 /Năm 2022

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Lương theo ngạch, bậc	12	071	6001	00000	0	0	459.292.501	459.292.501	459.292.501	459.292.501
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	12	071	6051	00000	0	0	70.012.800	70.012.800	70.012.800	70.012.800
Phụ cấp chức vụ	12	071	6101	00000	0	0	10.355.501	10.355.501	10.355.501	10.355.501
Phụ cấp ưu đãi nghề	12	071	6112	00000	0	0	160.470.765	160.470.765	160.470.765	160.470.765
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	12	071	6113	00000	0	0	447.000	447.000	447.000	447.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	12	071	6115	00000	0	0	59.210.511	59.210.511	59.210.511	59.210.511
Phụ cấp đặc biệt khác của ngành	12	071	6116	00000	0	0	248.537.080	248.537.080	248.537.080	248.537.080
Bảo hiểm xã hội	12	071	6301	00000	0	0	104.802.480	104.802.480	104.802.480	104.802.480
Bảo hiểm y tế	12	071	6302	00000	0	0	17.966.139	17.966.139	17.966.139	17.966.139
Kinh phí công đoàn	12	071	6303	00000	0	0	11.977.426	11.977.426	11.977.426	11.977.426
Bảo hiểm thất nghiệp	12	071	6304	00000	0	0	5.988.713	5.988.713	5.988.713	5.988.713
Chi khác	12	071	6449	00000	0	0	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000
Tiền điện	12	071	6501	00000	0	0	13.692.593	13.692.593	13.692.593	13.692.593
Tiền vệ sinh, môi trường	12	071	6504	00000	0	0	1.800.000	1.800.000	1.800.000	1.800.000
Văn phòng phẩm	12	071	6551	00000	0	0	4.316.000	4.316.000	4.316.000	4.316.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại);	12	071	6601	00000	0	0	801.087	801.087	801.087	801.087

thuê bao đường điện thoại; fax									
Phím ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	12	071	6608	00000	0	0	216.000	216.000	216.000
Khoản công tác phí	12	071	6704	00000	0	0	3.000.000	3.000.000	3.000.000
Thuê lao động trong nước	12	071	6757	00000	0	0	2.250.000	2.250.000	2.250.000
Các thiết bị công nghệ thông tin	12	071	6912	00000	0	0	2.700.000	2.700.000	2.700.000
Chi khác	12	071	7049	00000	0	0	2.400.000	2.400.000	2.400.000
Cộng:					0	0	1.240.236.596	1.240.236.596	1.240.236.596
Phần KBNN ghi:									

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 1 tháng 4 năm 2022

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Đức Tài

Người ký: Vũ Thị Thắm
Ngày ký: 01/04/2022 15:38:46
Chức vụ: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Tàishan - TP Hồ Chí Minh

Vũ Thị Thắm

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 1 tháng 4 năm 2022

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Tâm

Trần Thị Kiều Nhung

Người ký: Nguyễn Thị Hồng Tâm
Ngày ký: 01/04/2022 15:38:11
Chức vụ: Trưởng Kế toán Nhà 9

Người ký: Trần Thị Kiều Nhung
Ngày ký: 01/04/2022 15:38:57
Chức vụ: Trưởng Kế toán Nhà 9